TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: **57**/2021/QĐST-HNGĐ	*Ân Thi, ngày 02 tháng 4 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ S THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG S

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI, TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ vào Điều 212 và 213, Điều 397, Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân S;
Căn cứ điều 213; 218 Bộ luật dân S;
Căn cứ vào Điều 55, Điều 33, 38, 39, 40, 59 Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân S thụ lý số 16/2021/TLST-HNGĐ ngày 05/3/2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận tài sản chung, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:
Người yêu cầu giải quyết việc dân S:
1. Bà Nguyễn Thị M (Thú), SN 1963
2. Ông Vũ Công B, SN 1963
Người có QLNV liên quan:
1. Anh Vũ Xuân Kh, SN 1988
2. Anh Vũ Văn S, SN 1989
Đều trú tại: Tr Th, Đ L, Ân Thi, Hưng Yên

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị M và ông Vũ Công B kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 20/5/1986 tại Uỷ ban nhân dân xã Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến năm 2000 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Ông B, bà M đã cố gắng hòa giải với nhau nhưng không thành. Do đó, cả hai yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn để ổn định cuộc sống.

Tòa án đã mở phiên hòa giải đoàn tụ, nhưng không thành vì ông B, bà M vẫn giữ nguyên yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Vì vậy, yêu cầu thuận tình ly hôn của ông B, bà M là có căn cứ, tự nguyện và phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Ông B, bà M có 02 con chung là Vũ Xuân Kh, SN 1988 và Vũ Văn S, SN 1989. Các con đã trưởng thành nên không đề nghị giải quyết

[3] Về tài sản chung: Ông B, bà M đã thống nhất thỏa thuận và đề nghị Tòa án công nhận:

1. Đất ở: Hai mảnh đất liền nhau tại thôn Trạo Thôn, xã Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, diện tích 544,2 m2(theo trích lục thửa đất tại tờ bản đồ số 23,

thửa đất số 256 và thửa số 65 của UBND xã Đa Lộc), thống nhất thỏa thuận như sau:

1.1. Thửa số 265 tờ bản đồ số 23 đo đạc năm 2016 đứng tên anh Vũ Văn S, tổng diện tích 159,7m2 có các cạnh như sau: Phía B giáp hộ ông Vũ Tiến Lực dài 28,97m, phía nam giáp hộ ông Vũ Công B dài 32,44m, phía đông giáp đường ĐH 63 dài 5,2m, phía tây giáp ao lớn dài 5,2m. Nay ly hôn ông B, bà M thống nhất cho anh Vũ Văn S (con trai thứ 2) thửa đất này. Trên đất có 06 cây bưởi đường kính dưới 30cm, 06 cây mít đường kính 30cm.

1.2. Thửa số 65 tờ bản đồ số 23 đo đạc năm 2016 đứng tên ông Vũ Công B và bà Nguyễn Thị M, tổng diện tích 384,5m2. Nay ly hôn ông B, bà M thống nhất thỏa thuận như sau:

- Phần đất có ngôi nhà 02 tầng của bà M (Thú) và ông B có diện tích 221,8m2 có các cạnh như sau: Phía B giáp mảnh đất của anh Vũ Văn S dài 32,44m, phía nam giáp mảnh đất của anh Vũ Xuân Kh dài 32,44.m, phía đông giáp mặt đường ĐH 63 dài 7,8m, phía tây giáp ao lớn dài 5,7m. Trên phần đất này có ngôi nhà hai tầng, tổng diện tích là 150m2, lán 30m2. Bà M, ông B thống nhất định giá mảnh đất này và ngôi nhà hai tầng, lán là 1.400.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm triệu đồng). Định giá tài sản trong gia đình gồm có xe máy, tủ lạnh, máy giặt, bàn ghế, kệ ti vi, ti vi và các tài sản khác trong nhà là 43.000.000 đồng, tổng giá trị nhà, đất, tài sản trong nhà là 1.443.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm bốn mươi bà triệu đồng chẵn). Bà M, ông B thỏa thuận bà M (Thú) có toàn quyền sử dụng mảnh đất này, ngôi nhà hai tầng, lán và toàn bộ tài sản hiện có trong ngôi nhà này, đồng thời bà M (Thú) phải trả cho ông B số tiền 721.000.000 đồng (bảy trăm hai mươi mốt triệu đồng chẵn).

Phần đất còn lại của thửa 65 tờ bản đồ số 23 đo đạc năm 2016, ông B, bà M thống nhất cho con trai thứ nhất là anh Vũ Xuân Kh có diện tích là 162,7m2, có các cạnh như sau: Phía phía B giáp mảnh đất có ngôi nhà hai tầng của bà M (Thú) dài 32,44m, phía nam giáp hộ ông Đinh Quang Cột dài 32,54m, phía đông giáp mặt đường ĐH 63 dài 5m, phía tây giáp ao lớn dài 5m.

2. Khu ao, vườn :

Đối với đất khoán thầu có thời hạn đến năm 2029, bà M, ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Đối với đất đào ao, vườn chuyển đổi từ ruộng canh tác có diện tích 1.718m2 của 4 người gồm: Bà M, ông B, anh Kh, anh S, được chia như sau: Ông B được quyền sử dụng một phần có diện tích 448m2 có các cạnh như sau: Phía B giáp ông Vũ Công Quyết dài 64m, phía nam giáp phần đất ao, vườn của bà M, anh Kh, anh S dài 64m, phía đông giáp bờ dài 7m, phía tây giáp đường dài 7m. Trên đất 02 bưởi, 01 cây vải, 06 cây nhãn.

Bà M, anh Kh, anh S được quyền sử dụng phần ao, vườn còn lại có tổng diện tích 1.270m2 có các cạnh như sau: Phía B giáp dài đất ao, vườn của ông Vũ Công B 64m, phía nam giáp bà Nguyễn Thị Tròn dài 30m, ông Nguyễn Văn Tải dài 39,96m, phía đông giáp bờ đất dài 33,5m, phía tây giáp ao đấu thầu, bà Tròn dài 21,57m, giáp đường huyện lộ 63 dài 10,3m. Trên đất 02 cây cam, 02 cây vải, 16 cây nhãn, 02 cây mít.

3. Ruộng canh tác : Tổng diện tích là 1334m2 , đã thống nhất thỏa thuận để bà M, anh Kh, anh S sử dụng toàn bộ ruộng canh tác tại cánh đồng Nghĩa Địa là

864m2, ruộng thuộc cánh đồng Ao Ngái là 325m2, ruộng thuộc cánh đồng Cửa ấp là 145m2 tại thôn Trạo Thôn, xã Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

Sau khi chia xong bà Nguyễn Thị Thú, anh Kh, anh S được toàn quyền liên hệ với các cơ quan thẩm quyền để đăng ký sở hữu đối với tài sản được phân chia nêu trên.

Về nợ: Không có

S thỏa thuận trên là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận

[4] Về lệ phí: Bà M tự nguyện chịu cả tiền lệ phí ly hôn.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương S được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 25 tháng 3 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương S nào thay đổi ý kiến về S thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương S cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị M (Thú) và ông Vũ Công B thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Ông B, bà M có 02 con chung là Vũ Xuân Kh, SN 1988 và Vũ Văn S, SN 1989. Các con đã trưởng thành nên không đề nghị giải quyết

- *Về tài sản chung:* Ông B, bà M đã thống nhất thỏa thuận và đề nghị Tòa án công nhận:

*** Đất ở**:

- Thửa số 265 tờ bản đồ số 23 đo đạc năm 2016 đứng tên anh Vũ Văn S, tổng diện tích 159,7m2 có các cạnh như sau: Phía B giáp hộ ông Vũ Tiến Lực dài 28,97m, phía nam giáp hộ ông Vũ Công B dài 32,44m, phía đông giáp đường ĐH 63 dài 5,2m, phía tây giáp ao lớn dài 5,2m. Nay ly hôn ông B, bà M thống nhất tặng cho anh Vũ Văn S (con trai thứ 2) thửa đất này. Trên đất có 06 cây bưởi đường kính dưới 30cm, 06 cây mít đường kính 30cm.

- Thửa số 65 tờ bản đồ số 23 đo đạc năm 2016 đứng tên ông Vũ Công B và bà Nguyễn Thị M, tổng diện tích 384,5m2. Nay ly hôn ông B, bà M thống nhất thỏa thuận như sau:

+ Phần đất có ngôi nhà 02 tầng của bà M (Thú) và ông B có diện tích 221,8m2 có các cạnh như sau: Phía B giáp mảnh đất của anh Vũ Văn S dài 32,44m, phía nam giáp mảnh đất của anh Vũ Xuân Kh dài 32,44.m, phía đông giáp mặt đường ĐH 63 dài 7,8m, phía tây giáp ao lớn dài 5,7m. Trên phần đất này có ngôi nhà hai tầng, tổng diện tích là 150m2, lán 30m2. Bà M, ông B thống nhất định giá mảnh đất này và ngôi nhà hai tầng, lán là 1.400.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm triệu đồng). Định giá tài sản trong gia đình gồm có xe máy, tủ lạnh, máy giặt, bàn ghế, kệ ti vi, ti vi và các tài sản khác trong nhà là 43.000.000 đồng, tổng giá trị nhà, đất, tài sản trong nhà là 1.443.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm bốn mươi ba triệu đồng chẵn). Bà M, ông B thỏa thuận bà M (Thú) có toàn quyền sử dụng mảnh đất có diện tích 221,8m2, ngôi nhà hai tầng, lán và toàn bộ tài sản hiện có trong ngôi nhà này, đồng thời bà M (Thú) phải trả cho ông B số tiền 721.000.000 đồng (bảy

trăm hai mươi mốt triệu đồng chẵn). Ngày 02/4/2021, bà M đã thanh toán số tiền 721.000.000 đồng cho ông B, ông B đã nhận đủ số tiền trên.

Phần đất còn lại của thửa 65 tờ bản đồ số 23 đo đạc năm 2016, ông B, bà M thống nhất cho con trai thứ nhất là anh Vũ Xuân Kh có diện tích là 162,7m2, có các cạnh như sau: Phía phía B giáp mảnh đất có ngôi nhà hai tầng của bà M (Thú) dài 32,44m, phía nam giáp hộ ông Đinh Quang Cột dài 32,54m, phía đông giáp mặt đường ĐH 63 dài 5m, phía tây giáp ao lớn dài 5m.

*** Khu ao, vườn** :

Đối với đất khoán thầu có thời hạn đến năm 2029, bà M, ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với khu ao, vườn chuyển đổi từ ruộng canh tác có diện tích 1718m2 của 4 người gồm: Bà M, ông B, anh Kh, anh S, được chia như sau: Ông B được quyền sử dụng một phần có diện tích 448m2 có các cạnh như sau: Phía B giáp ông Vũ Công Quyết dài 64m, phía nam giáp phần đất ao, vườn của bà M, anh Kh, anh S dài 64m, phía đông giáp bờ dài 7m, phía tây giáp đường dài 7m. Trên đất 02 bưởi, 01 cây vải, 06 cây nhãn.

Bà M, anh Kh, anh S được quyền sử dụng phần ao, vườn còn lại có tổng diện tích 1.270m2 có các cạnh như sau: Phía B giáp dài đất ao, vườn của ông Vũ Công B dài 64m, phía nam giáp bà Nguyễn Thị Tròn dài 30m, ông Nguyễn Văn Tải dài 39,96m, phía đông giáp bờ đất dài 33,5m, phía tây giáp ao đấu thầu, bà Tròn dài 21,57m, giáp đường huyện lộ 63 dài 10,3m. Trên đất 02 cây cam, 02 cây vải, 16 cây nhãn, 02 cây mít.

3. Ruộng canh tác : Tổng diện tích là 1334m2 , đã thống nhất thỏa thuận để bà M, anh Kh, anh S sử dụng toàn bộ ruộng canh tác tại cánh đồng Nghĩa Địa là 864m2, ruộng thuộc cánh đồng Ao Ngái là 325m2, ruộng thuộc cánh đồng Cửa ấp là 145m2 tại thôn Trạo Thôn, xã Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

Sau khi chia xong bà Nguyễn Thị Thú, anh Kh, anh S được toàn quyền liên hệ với các cơ quan thẩm quyền để đăng ký sở hữu đối với tài sản được phân chia nêu trên.

Có sơ đồ kèm theo.

Về nợ: Không có

2. Về lệ phí Tòa án: Bà M tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí giải quyết yêu cầu về hôn nhân gia đình được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0000759 ngày 05/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân S huyện Ân Thi. Bà M đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Ân Thi;*
- *Chi cục THA dân S huyện Ân Thi;*
- *Các đương S;*
- *UBND xã Đa Lộc, Ân Thi, Hưng Yên*
- *Lưu HS.*

Nguyễn Đồng Dực